

BAN HÀNH LUẬT DOANH NGHIỆP 2005 VÀ LUẬT ĐẦU TƯ - MỘT BƯỚC TIẾN MỚI TRONG HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM

VÕ HỒNG PHÚC(*)

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt đòi hỏi phải hoàn thiện, đổi mới về cơ bản hệ thống pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp nhằm tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà đầu tư và các doanh nghiệp; tạo điều kiện thu hút tối đa các nguồn lực để phát triển.

Theo hướng này tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa IX, Chính phủ đã trình và đã được Quốc hội thông qua 2 dự án Luật: Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp áp dụng thống nhất cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

1. Mục tiêu, quan điểm và nguyên tắc soạn thảo hai Luật

Việc xây dựng hai Luật quan trọng này nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử, tạo mặt bằng pháp lý bình đẳng về đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phù hợp với chủ trương của Đảng cũng như yêu cầu hội nhập, đồng thời khắc phục sự thiếu nhất quán về nội dung, phạm vi điều chỉnh của các Luật khác nhau liên quan đến đầu tư và doanh nghiệp được ban hành trước đây.

Trên tinh thần đó, các Luật nói trên đã được xây dựng theo các yêu cầu và nguyên tắc sau:

- Tiếp tục thể chế hóa đường lối đổi mới và chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nhằm giải

phóng, huy động tối đa mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

- Duy trì và mở rộng quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế theo hướng áp dụng phổ biến chế độ đăng ký thay cho chế độ cấp phép, xóa bỏ những quy định xin - cho, phê duyệt, chấp nhận bất hợp lý, trái với nguyên tắc tự do kinh doanh, gây phí tổn cho doanh nghiệp và xã hội.

- Đổi mới vai trò và chức năng của nhà nước trong quản lý hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp theo hướng giảm dần, tiến tới loại bỏ những can thiệp hành chính không cần thiết, đồng thời tăng cường vai trò cũng như năng lực của nhà nước trong việc vừa quản lý, định hướng được quá trình phát triển vừa tạo điều kiện để thị trường phát triển và hoạt động hiệu quả.

- Đảm bảo phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế song phương và đa phương của Việt Nam.

2. Những nội dung mới của Luật Đầu tư

Luật Đầu tư 2005 quy định về hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư ra nước ngoài; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

(*) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Luật Đầu tư có những điểm mới sau đây:

2.1 Phạm vi điều chỉnh

Luật Đầu tư điều chỉnh tất cả các hoạt động đầu tư tại Việt Nam và từ Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, bao gồm hoạt động đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp; đầu tư từ nguồn vốn nhà nước và của tư nhân; đầu tư của nhà đầu tư trong nước và của nhà đầu tư nước ngoài. Có thể nói Luật Đầu tư lần này có phạm vi điều chỉnh rất rộng, thể hiện được sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

2.2 Mở cửa thị trường liên quan đến việc gia nhập WTO

Điểm mới rất quan trọng là Luật đã cam kết mở cửa thị trường đầu tư phù hợp với lộ trình đã cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời khẳng định việc loại bỏ các rào cản về đầu tư liên quan đến thương mại (*Thực hiện Hiệp định TRISs của WTO*), cụ thể là không bắt buộc nhà đầu tư phải thực hiện các yêu cầu sau đây: ưu tiên mua, sử dụng hàng hoá, dịch vụ trong nước hoặc phải mua hàng hoá, dịch vụ từ sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhất định trong nước; xuất khẩu hàng hoá hoặc xuất khẩu dịch vụ đạt một tỷ lệ nhất định; hạn chế số lượng, giá trị, loại hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu hoặc sản xuất, cung ứng trong nước; nhập khẩu hàng hoá với số lượng và giá trị tương ứng với số lượng và giá trị hàng hoá xuất khẩu hoặc phải tự cân đối ngoại tệ từ nguồn xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu; đạt được tỷ lệ nội địa hoá nhất định trong hàng hóa sản xuất; đạt được một mức độ nhất định hoặc giá trị nhất định trong hoạt động nghiên cứu và phát triển ở trong nước; cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại một địa điểm cụ thể ở trong nước hoặc nước ngoài.

Đây là điểm rất quan trọng mà các nước đối tác đàm phán WTO rất quan tâm, quy định này thể hiện sự nỗ lực của ta trong việc tạo sân chơi bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, xóa bỏ dần những bảo hộ theo nhu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3. Hình thức đầu tư

Điểm mới của Luật là quy định rất đa dạng các hình thức đầu tư áp dụng chung cho các thành phần kinh tế, cụ thể các doanh nghiệp có thể đầu tư dưới các hình thức đầu

tư trực tiếp như: đầu tư 100% vốn của nhà đầu tư trong nước hoặc 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư theo hợp đồng BCC, BOT, BTO và BT; đầu tư phát triển kinh doanh; góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập và mua lại. Ngoài ra, Luật cũng đã quy định cả các hình thức đầu tư gián tiếp như: mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, thông qua quỹ đầu tư chứng khoán...

2.4. Bảo đảm, bảo lãnh

Điểm mới của Luật là đã quy định rõ các nguyên tắc và nội dung bảo đảm của Nhà nước đối với vốn, tài sản nhà đầu tư cũng như hoạt động đầu tư; quy định về bảo lãnh của Chính phủ đối với những dự án và công trình quan trọng về vốn vay, cung cấp nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, thanh toán và các bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khác cho dự án, đồng thời Chính phủ sẽ chỉ định cơ quan thực hiện việc bảo lãnh này. Đây là nội dung quan trọng, được nhiều nhà đầu tư quan tâm và nhất trí với nội dung của Luật.

2.5. Xử lý tranh chấp và áp dụng luật nước ngoài

Luật đã quy định rõ các tranh chấp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với nhau thì xử lý tại toà án, trọng tài Việt Nam và theo pháp luật Việt Nam; các tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp Việt Nam có thể được xử lý tại trọng tài, toà án ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; các tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với các cơ quan nhà nước Việt Nam sẽ được xử lý tại trọng tài, toà án ở Việt Nam theo luật pháp của Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điểm mới của Luật là quy định đối với hoạt động đầu tư nước ngoài, trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa có quy định, các bên có thể thoả thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài và tập quán đầu tư quốc tế, nếu việc áp dụng pháp luật nước ngoài và tập quán đầu tư quốc tế đó không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

2.6. Thủ tục đầu tư

Điểm mới của Luật là thủ tục đầu tư được thiết kế đơn giản và thuận lợi cho các nhà đầu

tư. Theo đó, dự án được phân thành hai loại: đăng ký đầu tư và thẩm tra đầu tư.

Đối với dự án đầu tư trong nước dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư và cũng không cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhà đầu tư chỉ cần đăng ký đầu tư theo mẫu trước khi thực hiện dự án mà không cần phải có Giấy chứng nhận đầu tư, trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu, Cơ quan nhà nước quản lý đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Đối với dự án đầu tư nước ngoài có quy mô vốn dưới 300 tỷ đồng Việt Nam mà không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhà đầu tư chỉ cần đăng ký đầu tư theo mẫu để được cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản đăng ký hợp lệ.

Dự án thuộc diện thẩm tra áp dụng chung cho cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, theo đó các dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện hoặc dự án có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên thì phải làm thủ tục thẩm tra đầu tư. Nội dung thẩm tra chỉ bao gồm các nội dung: (1) Sự phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng – kỹ thuật, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác; (2) Nhu cầu sử dụng đất; (3) Tiến độ thực hiện dự án; (4) Giải pháp về môi trường. Riêng đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì chỉ thẩm tra các điều kiện mà dự án phải đáp ứng.

Luật quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đầu tư vào Việt Nam phải có dự án đầu tư. Trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế mà có nhu cầu thực hiện dự án đầu tư tiếp theo thì không phải thành lập tổ chức kinh tế mới. Đối với đầu tư trong nước thì khi thành lập tổ chức kinh tế không cần phải có dự án. Đây là điểm khác biệt giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, điểm khác biệt này là cần thiết bởi đầu tư nước ngoài cần phải thực hiện theo lộ trình mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.7. Thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư

Đối với nhà đầu tư nước ngoài, các ưu đãi được ghi vào Giấy chứng nhận đầu tư (kể cả dự án thuộc diện đăng ký hoặc thẩm tra đầu tư). Đối với nhà đầu tư trong nước thì chỉ ghi ưu đãi vào trong Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm tra đầu tư, còn đối với dự án thuộc diện đăng ký đầu tư thì nếu nhà đầu tư có nhu cầu, cơ quan nhà nước quản lý đầu tư mới xác nhận các ưu đãi đầu tư vào Giấy chứng nhận đầu tư.

2.8. Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước

Đây là một hoạt động rất quan trọng. Luật quy định việc sử dụng vốn nhà nước để kinh doanh phải thông qua Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, nhằm thống nhất đầu mối, qua đó mới có thể quản lý chặt chẽ việc sử dụng và kinh doanh vốn nhà nước. Đồng thời Luật quy định quy trình thẩm định dự án sử dụng vốn nhà nước rất chặt chẽ, nhằm chống thất thoát, chống đầu tư dàn trải và chống khép kín, tăng hiệu quả đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

2.9. Quản lý nhà nước về đầu tư

Ngoài việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, Luật chỉ rõ Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý hoạt động đầu tư trên phạm vi cả nước, tổ chức việc thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư theo pháp luật. Luật cũng đã giao cho Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý hoạt động đầu tư. Theo đó, Chính phủ sẽ phân cấp mạnh mẽ quản lý hoạt động đầu tư cho các địa phương; các cơ quan trung ương chủ yếu xử lý những dự án lớn, hoạch định chính sách về đầu tư và hỗ trợ các địa phương trong công tác quản lý hoạt động đầu tư.

3. Những điểm mới chủ yếu của Luật Doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp 2005 quy định các thủ tục, điều kiện gia nhập, rút khỏi thị trường; các loại hình doanh nghiệp; cơ cấu, thẩm quyền và cách thức tổ chức quản lý nội bộ của doanh nghiệp; phạm vi kinh doanh và quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp. So với Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005 có những nội dung đổi mới cơ bản sau đây:

3.1. Mở rộng phạm vi và đối tượng áp dụng

Luật Doanh nghiệp sẽ điều chỉnh và áp dụng thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế, đó là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Như vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được quyền tự chủ lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh, không bị bắt buộc phải sử dụng duy nhất hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn như hiện nay; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam được quyền đăng ký lại và tổ chức quản lý, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhà nước sẽ được chuyển đổi theo thời hạn chậm nhất là 4 năm để tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.2. Đơn giản và rõ ràng hơn trong thành lập và đăng ký kinh doanh

Về thành lập và đăng ký kinh doanh có một số điểm mới sau đây:

- Rút ngắn hơn thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đồng thời, quy định cụ thể hơn, rõ ràng hơn về hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với từng loại hình doanh nghiệp.
- Quy định cụ thể hơn, rõ hơn trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh; điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Bổ sung thêm loại hình doanh nghiệp được đa dạng hơn để các nhà đầu tư lựa chọn bằng việc cho phép thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên là cá nhân.

Thừa nhận tư cách pháp nhân của công ty hợp danh. Điều này tạo thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh của loại hình doanh nghiệp được coi là khá mới và chưa phổ biến này ở Việt Nam.

3.3. Hoàn thiện quản trị doanh nghiệp

Khung quản trị doanh nghiệp được hoàn thiện hơn, rõ ràng hơn và bảo vệ mạnh mẽ hơn quyền và lợi ích của thành viên, cổ đông thiểu số, cụ thể:

- Khung quản trị được thiết kế tùy theo loại hình doanh nghiệp và được áp dụng thống nhất đối với doanh nghiệp trong nước, doanh

nh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp sở hữu vốn nhà nước.

- Xác định rõ hơn các nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng trong công ty.

- Tăng thêm quy định yêu cầu công khai và minh bạch hoá, nhất là đối với những người quản lý.

- Nâng cao, tăng cường và quy định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Tăng cường thêm các quy định về quản lý vốn, hạn chế nguy cơ lạm dụng trách nhiệm hữu hạn.

- Bổ sung quy định về nhóm công ty nhằm bảo vệ mạnh hơn quyền của cổ đông thiểu số và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, cụ thể là các quy định trách nhiệm đền bù của công ty mẹ đối với công ty con hay nghĩa vụ lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty.

3.4. Tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp được tăng cường và cụ thể hơn. Điều này được thể hiện bằng các quy định về cung cấp thông tin giữa các cơ quan nhà nước, quy định rõ và cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước, cấp chính quyền trong quản lý doanh nghiệp, quy định cụ thể điều kiện giải thể doanh nghiệp, quy định cụ thể các hành vi bị cấm, bổ sung thêm trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Đổi mới cơ bản cơ chế thực hiện quyền tự chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, trong đó tách chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu ra khỏi chức năng quản lý hành chính nhà nước, thực hiện tập trung và thống nhất các quyền chủ sở hữu, đồng thời, tôn trọng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhìn tổng quát, nội dung của Luật Doanh nghiệp được dư luận xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao và cho rằng việc thông qua và ban hành Luật Doanh nghiệp sẽ tiếp tục góp phần quan trọng trong cải thiện môi trường kinh doanh. (xem tiếp trang 19)